

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ **E-ĐKCT** phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

A. Các quy định chung	
E-ĐKC 1.4	<p style="text-align: center;">Chủ đầu tư là: CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN GIANG</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ: số 77, đường Cô Bắc, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang; - Mã số thuế: 0300942001-023; - Tài khoản: số 118000016199 tại Ngân Hàng TMCP Công thương Kiên Giang Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang; - Điện thoại: 02972.211.100; - Fax: 02973.868.339; - Email: pckiengiang@evnspc.vn.
E-ĐKC 1.7	<p>Công trình : Bổ sung mạng cáp quang nội tỉnh ĐHSX tỉnh Kiên Giang năm 2025</p> <p style="text-align: center;">Cung cấp vật tư, thiết bị, phụ kiện cho công trình (bao gồm thí nghiệm). Trừ vật tư thiết bị A cấp;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Vận chuyển toàn bộ vật tư, thiết bị đến công trình. + Phát quang xử lý hành lang tuyến. + Thi công công trình theo đúng hồ sơ thiết kế; + Đảm bảo an toàn giao thông trong quá trình thi công (tổ chức điều tiết giao thông đường bộ, đường thủy). + Xin giấy phép thi công (đường bộ, đường thủy).
E-ĐKC 1.10	<p>Địa điểm Công trường tại Các Xã Kiên Lương, Hòn Đất, Gò Quao, Hà Tiên, Giang Thành, và phường Rạch Giá.</p>
E-ĐKC 1.16	<p>Ngày hoàn thành là: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trong đó cung cấp VTTB (B cấp) và xây lắp công trình hoàn thành là 40 ngày tính từ ngày khởi công).</p>
E-ĐKC 1.17	<p>Ngày hoàn thành dự kiến cho toàn bộ Công trình là: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trong đó cung cấp VTTB (B cấp) và xây lắp công trình hoàn thành là 40 ngày tính từ ngày</p>

	khởi công).
E-ĐKC 1.18	Ngày khởi công là: Căn cứ ngày ghi trong Lệnh khởi công
E-ĐKC 1.19	Nhà thầu là: CÔNG TY ... 1. Địa chỉ: 2. Mã số thuế: 3. Tài khoản: 4. Điện thoại: 5. Fax: 6. Email:
E-ĐKC 1.29	Tư vấn quản lý dự án: CÔNG TY ĐIỆN LỰC AN GIANG - Địa chỉ: số 77, đường Cô Bắc, Phường Rạch Giá, Tỉnh An Giang - Điện thoại: 02972211100 - Fax: 02973868339 - Email: pcangiang@evnspc.vn Tư vấn giám sát: CÔNG TY ... - Địa chỉ: - Điện thoại: - Fax: - Email:
E-ĐKC 2.1	Hoàn thành từng phần: không áp dụng
E-ĐKC 2.3 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: - Kế hoạch thi công, Biểu tiến độ thi công chi tiết; Biện pháp tổ chức thi công; - Thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt; - Các đề xuất của nhà thầu được bên giao thầu chấp thuận (nếu có) - Danh sách cán bộ chủ chốt của nhà thầu (chỉ huy trưởng công trình, cán bộ phụ trách kỹ thuật thi công, giám sát B ...) các đội, tổ thi công; - Danh sách các loại máy móc thiết bị thi công và vật tư thiết bị

	<p>mà nhà thầu đăng ký sử dụng cho công trình;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phụ lục kèm theo của hợp đồng (nếu có).
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 5% giá hợp đồng - Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến khi công trình được nghiệm thu, bàn giao và Nhà thầu chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định. - Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được Chủ đầu tư chấp thuận và tuân thủ mẫu số 15 Chương VIII. Nếu các điều khoản của bảo đảm thực hiện hợp đồng nêu rõ ngày hết hiệu lực và Nhà thầu chưa hoàn thành các nghĩa vụ của hợp đồng vào thời điểm: 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.
E-ĐKC 5.4	<p>Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B. - Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> + Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; + Vi phạm thỏa thuận, điều khoản trong hợp đồng.
E-ĐKC 8.2(d)	<p>Nhà thầu có văn bản trả lời yêu cầu của Chủ đầu tư trong khoảng thời gian không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu.</p>
E-ĐKC 8.8(a)	<p>Nhà thầu có văn bản thông báo trong khoảng thời gian tối thiểu 01 ngày, trước ngày vật tư, thiết bị được vận chuyển tới công trường</p>
E-ĐKC 8.11	<p>Thời gian di dời vật tư, thiết bị ra khỏi công trường: 03 ngày kể từ ngày biên bản nghiệm thu công trình được cấp.</p>
E-ĐKC 9.3	<p>Nhà thầu đưa ra chỉ dẫn trả dưới dạng văn bản trong thời</p>

	hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.
E-ĐKC 11.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 11.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng
E-ĐKC 11.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ: có năng lực hoạt động, năng lực hành nghề phù hợp với công việc ký kết với nhà thầu chính
E-ĐKC 19.1	<p>Yêu cầu về bảo hiểm:</p> <p>Chứng thư bảo hiểm xây lắp công trình sẽ được xuất trình chậm nhất 7 ngày kể từ ngày ký hợp đồng, Thời gian bảo hiểm là 16 tháng kể từ ngày khởi công.</p> <p>Kể từ ngày khởi công cho đến hết thời hạn bảo hành công trình, Nhà thầu phải mua bảo hiểm cho vật tư, máy móc, thiết bị, nhà xưởng phục vụ thi công, bảo hiểm đối với người lao động, bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với người thứ ba cho rủi ro của Nhà thầu... Và cho các tổn thất hoặc hư hỏng Thiết bị: Bồi thường cho Chủ dự án theo giá thị trường do Chủ dự án quyết định (nhưng không nhỏ hơn giá trị xuất kho của Chủ dự án), cộng thêm các chi phí bảo hiểm, lưu kho, lưu bãi, v.v... được tính chung là 10%. Nhà thầu phải hoàn tất việc bồi thường trước khi quyết toán đợt cuối. Trường hợp Nhà thầu trả bằng hiện vật thì phải đúng chủng loại, nhà cung cấp.</p>
E-ĐKC 20.1(a)	Thời gian bảo hành công trình 12 tháng, kể từ ngày nghiệm thu công trình để đưa vào sử dụng.
E-ĐKC 21	Thông tin về Công trường là: đã nêu trong E-ĐKCT mục E-ĐKC 1.7.
E-ĐKC 24	Ngày tiếp nhận, sử dụng Công trường là: ít nhất là 03 ngày sau khi Chủ đầu tư cùng phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện. Việc tiếp nhận và bàn giao mặt bằng.
E-ĐKC	Thời gian để tiến hành hòa giải: Thực hiện theo Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về

27.2	<p>hợp đồng xây dựng. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định của pháp luật.</p> <p>Giải quyết tranh chấp: thực hiện theo Điều 45 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian 15 ngày kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo quy định của pháp luật</p>
B. Quản lý thời gian	
E-ĐKC 28	<ul style="list-style-type: none"> - Ngày khởi công: <i>Căn cứ Lệnh khởi công.</i> - Ngày hoàn thành dự kiến: 45 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực (trong đó cung cấp VTTB (B cấp) và xây lắp công trình hoàn thành là 40 ngày tính từ ngày khởi công).
E-ĐKC 29.1	Nhà thầu phải trình Chủ đầu tư Biểu tiến độ thi công chi tiết trong vòng 07 ngày từ ngày ký Hợp đồng.
E-ĐKC 29.4	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian cập nhật Biểu tiến độ thi công chi tiết: 07 ngày/lần khi tiến độ thi công có thay đổi hoặc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. - Số tiền giữ lại nếu nộp muộn Biểu tiến độ thi công chi tiết cập nhật 0 đ.
E-ĐKC 30.7	<p>Các trường hợp khác: Theo Điều 39 Nghị định 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng. Trường hợp các lý do bất khả kháng như trở ngại phát sinh khối lượng hoặc trở ngại khác thì Công ty Điện lực An Giang và nhà thầu có văn bản thoả thuận để điều chỉnh thời gian thực hiện hợp đồng.</p>
C. Quản lý chất lượng	
E-ĐKC 33.2	Nhà thầu phải đảm bảo đủ trang thiết bị và nhân lực để cập nhật vào nhật ký thi công điện tử (NKTCĐT), biên bản nghiệm thu điện tử (BBNTĐT) trên phần mềm IMIS trong giai đoạn triển khai thi công xây dựng công trình và áp dụng chữ ký số theo đúng quy định hướng dẫn của Bên A.

	Vật tư, máy móc, thiết bị: Tất cả các vật tư, thiết bị phải có xuất xứ rõ ràng, có chứng nhận chất lượng xuất xưởng của nhà sản xuất, được thí nghiệm đảm bảo chất lượng, thông số kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu thiết kế.
D. Quản lý chi phí	
E-ĐKC 40	Loại hợp đồng: <i>Đơn giá cố định</i>
E-ĐKC 41.1	Giá hợp đồng: <i>theo đơn giá cố định.</i>
E-ĐKC 42.1	<p>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng (Không bao gồm thuế VAT và dự phòng)</p> <p>- Thời gian tạm ứng: 20 ngày làm việc kể từ khi Chủ đầu tư nhận được các tài liệu sau:</p> <p>(i) Giấy đề nghị tạm ứng của nhà thầu, trong đó có thể hiện giá trị tạm ứng của công trình.</p> <p>(ii) Bảo lãnh thực hiện hợp đồng theo Mẫu.</p> <p>(iii) Bảo lãnh tạm ứng của ngân hàng với giá trị tạm ứng nêu trên và có hiệu lực đến khi nhà thầu hoàn trả hết tạm ứng, theo Mẫu.</p> <p>(iv) Lệnh khởi công công trình.</p> <p>Hoàn trả tiền tạm ứng:</p> <p>Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi ngay từ lần thanh toán đầu tiên và các lần thanh toán tiếp theo và thu hồi hết khi thanh toán đạt 80% giá hợp đồng.</p> <p>Tiền tạm ứng sẽ được thu hồi bằng cách giảm trừ trong các lần thanh toán. Tỷ lệ giảm trừ sẽ dựa trên tỷ lệ thu hồi được quy định như sau:</p> $\text{Tỷ lệ giải trừ từng đợt (\%)} = \frac{\% \text{ giá trị khối lượng thanh toán đợt so với giá trị hợp đồng}}{80\%} \times 100\%$ <p><u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</u> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi</p>

	<p>trả.</p> <p>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 44.1</p>	<p>Phương thức thanh toán:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Hình thức thanh toán: chuyển khoản 2. Thời hạn thanh toán: trong vòng 20 ngày làm việc kể từ khi nhà thầu xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu. 3. Phương thức thanh toán: <ul style="list-style-type: none"> ● Nguyên tắc thanh toán; - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu tối đa 03 lần (không kể đợt thanh toán tạm ứng): 02 lần thanh toán giai đoạn và 01 lần khi quyết toán hoàn thành hợp đồng xây dựng. Tổng giá trị thanh toán 02 giai đoạn tối đa 80% giá trị hợp đồng. Thanh toán toàn bộ giá trị quyết toán hợp đồng còn lại sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (<i>hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dư, hoàn trả VTTB thu hồi (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...</i>) và thoả thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành. - Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho Nhà thầu theo hồ sơ thanh toán lập riêng cho từng công trình.

	<ul style="list-style-type: none"> ● Hồ sơ thanh toán giai đoạn: <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành + Phụ lục khối lượng hoàn thành (BM.NBPP.KTDA.01.01) - Biên bản nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng + Bảng kê khối lượng xây lắp hoàn thành (BM.NBPP.THDA.TCXL.04.08) - Bảng đề nghị thanh toán khối lượng (BM.NBPP.KTDA.01.02) - Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (BM.NBPP.KTDA.01.03) - Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng qui định của pháp luật. - Bảng quyết toán khối lượng vật tư thiết bị A cấp giai đoạn đã lắp đặt vào công trình (nếu có). - Biên bản thí nghiệm/thử nghiệm xuất xưởng của vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp (đối với hàng sản xuất trong nước); - Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận xuất xứ của vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp (đối với hàng nhập khẩu nước ngoài) - Kết quả kiểm tra, thí nghiệm/thử nghiệm của đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng đối với vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp. - Bảng xuất xứ VTTB B cấp (phải thể hiện cả số lượng mẫu tử) hoàn thành giai đoạn được xác nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu - Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu. ● Hồ sơ thanh toán quyết toán hoàn thành hợp đồng xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> - Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành + Phụ lục khối lượng hoàn thành (BM.NBPP.KTDA.01.01). Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình/công trình xây dựng đưa vào sử dụng (QT.DAPP.THDA.TCXL.04-BM.06) + Bảng kê khối lượng xây lắp hoàn thành và phát sinh (BM.NBPP.THDA.TCXL.04.08) - Bảng đề nghị thanh toán khối lượng (BM.NBPP.KTDA.01.02) - Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng đề nghị thanh toán (BM.NBPP.KTDA.01.03) - Bảng tính giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (BM.NBPP.KTDA.01.06) - Bảng chi tiết giá trị quyết toán hợp đồng xây dựng (BM.NBPP.KTDA.01.07) - Hóa đơn giá trị gia tăng theo đúng qui định của pháp luật.
--	---

	<ul style="list-style-type: none"> - Bảng quyết toán khối lượng vật tư thiết bị A cấp toàn bộ đã lắp đặt vào công trình (nếu có). - Biên bản thí nghiệm/thử nghiệm xuất xưởng của vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp [cho phần còn lại] (đối với hàng sản xuất trong nước); - Giấy chứng nhận chất lượng của nhà sản xuất, chứng nhận xuất xứ của vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp [cho phần còn lại] (đối với hàng nhập khẩu nước ngoài) - Kết quả kiểm tra, thí nghiệm/thử nghiệm của đơn vị thử nghiệm độc lập có chức năng đối với vật tư thiết bị nhà thầu cung cấp (cho phần còn lại). - Bảng xuất xứ VTTB B cấp (phải thể hiện cả số lượng mẫu thử) hoàn thành (phần còn lại) được xác nhận giữa chủ đầu tư và nhà thầu. - Biên bản đánh giá tiến độ, xác định giá trị thưởng phạt hợp đồng. - Bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng, bằng 5% giá trị quyết toán hợp đồng (Theo mẫu đính kèm). - Văn bản đề nghị thanh toán của nhà thầu.
E-ĐKC 45	<p>Điều chỉnh thuế: Được phép áp dụng điều chỉnh thuế. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng”.</p>
E-ĐKC 46.1	<p>Phần tiền giữ lại từ số tiền thanh toán là: 5%.</p>
E-ĐKC 47.1 (d)	<p>Trường hợp sửa đổi hợp đồng: Phải tiến hành thương thảo hợp đồng và ký phụ lục điều chỉnh hợp đồng.</p>
E-ĐKC 47.7	<p>Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 10 % giá trị giảm giá hợp đồng.</p>
E-ĐKC 49.1	<p>Mức phạt: Do lỗi chủ quan của nhà thầu</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi ngày chậm tiến độ sẽ phạt: 20.000.000 đồng/ngày. - Chậm nộp hồ sơ hoàn công sẽ phạt: 10.000.000 đồng/ngày. - Trả điện muộn/hoặc hủy lịch so với lịch cắt điện đã được duyệt: mỗi lần phạt 10.000.000 đồng/lần do lỗi chủ quan của nhà thầu

	<p>(có biên bản xác nhận trả điện muộn/hủy lịch của đơn vị QLVH).</p> <p>(b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <p>b.1. Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ, nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong HSMT.</p> <p>b.2. Thi công công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, chuyển vị, thấm nước...., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng.</p> <p>b.3. Thi công công trình không đúng Thiết kế bản vẽ thi công.</p> <p>b.4. Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình.</p> <p>Mức phạt hợp đồng bị vi phạm xác định như sau:</p> <p>+ b.1, b.3: khối lượng giá trị phần hợp đồng bị vi phạm xác định theo phần công việc bị vi phạm.</p> <p>+ b.2 và b.4: giá trị phần hợp đồng bị vi phạm xác định theo chi phí khắc phục.</p> <p>Ngoài việc bồi thường thiệt hại, nhà thầu còn phải khắc phục các công việc sao cho đúng với thiết kế và phù hợp với hợp đồng đã ký kết.</p> <p>(c) Mức phạt hợp đồng không vượt quá 12% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p>
E-ĐKC 49.2	<p>Bồi thường thiệt hại: “Áp dụng”</p> <p>- Nhà thầu có trách nhiệm bồi thường cho chủ đầu tư toàn bộ các thiệt hại thực tế và gián tiếp phát sinh do lỗi, vi phạm của nhà thầu trong quá trình thực hiện hợp đồng, bảo hành công trình</p>
E-ĐKC 49.3	<p>Thưởng hợp đồng: “không áp dụng”.</p>
E. Kết thúc hợp đồng	
E-ĐKC 54	<p>Thời gian bàn giao công trình: Từ ngày các bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</p>
E-ĐKC 55.1	<p>Thời gian nộp bản vẽ hoàn công (và hồ sơ hoàn công). Khi nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</p>

E-ĐKC 55.2	Số tiền giữ lại: Không áp dụng.
E-ĐKC 56.1(a)	Nhà thầu phải nộp hồ sơ quyết toán công trình trong 10 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.